TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ - ST
Ngày 21- 3- 2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Dụ

2. Ông Phan Thanh Minh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc*** *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Xuân Thắng- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 237/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu phố II, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2017 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân H kết hôn ngày 12 tháng 02 năm 2009 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, sau khi kết hôn chị và anhH sinh sống cùng gia đình anh H ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh

Vĩnh Phúc. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung. Anh H mải chơi cờ bạc, lô đề, cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần, chị L có khuyên can nhưng không được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị không thể tiếp tục chung sống và không còn tình cảm với anh H, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010 và cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2014, hiện nay cả hai cháu đang ở với anh H. Khi đề nghị giải quyết ly hôn, chị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C, còn để anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, chị không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn XuânH trình bày:

Anh nhất trí với lời trình bày của chị L về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống. Theo anh hai người không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 6 năm 2017, chị L bỏ đi khỏi nhà, anh H không biết chị đi đâu, vì sao lại đi. Nay chị L làm đơn ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn với chị L, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh về đoàn tụ để hai vợ chồng cùng nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H đã thay đổi quan điểm và trình bày, đến nay anh cũng không còn tình cảm với chị L nữa nên cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị L là đúng. Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010 và cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2014, hiện nay cả hai cháu đang ở với anh H. Khi Tòa án giải quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị L đóng góp nuôi con chung vì hiện nay chị L công việc làm hợp đồng ở bệnh viện Y học cổ truyền, hưởng lương thấp và chị đang bị bệnh thiếu máu nên phải điều trị rất tốn kém.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị L và anh H đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân H.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2014; giao cho anh Nguyễn Xuân H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, gây khó khăn; và đề nghị giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Xuân H và đề nghị giải quyết nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh H hiện đang có hộ khẩu tạm trú ở thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B và lời khai của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân H thể hiện chị L và anhH có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B ngày 12 tháng 02 năm 2009, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị L xin ly hôn với anhH, nhưng anhH lại xin đoàn tụ, tại phiên tòa anh H trình bày đến nay anh không còn tình cảm với chị L nữa nên cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân H có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010 và cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2014, hiện nay cả hai cháu đang ở với anhH, ly hôn chị L xin được nuôi cháu C; còn để anhH nuôi cháu A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, anhH xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả chị L và anhH đều có nguyện vọng xin được nuôi con, chị L và anh H đều có thu nhập ổn định, và có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung như nhau; để đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển ổn định về thể chất và tinh thần nên sẽ giao cho chị L nuôi cháu A vì hiện nay cháu A là con gái, cháu cũng đã lớn nên cũng cần có người mẹ ở bên cạnh dạy dỗ chỉ bảo

trong sinh hoạt cuộc sống cũng như giáo dục cháu về thể chất, tâm sinh lý của người con gái khi đang trưởng thành; mặt khác, tại phiên tòa chị L đề nghị xin được nuôi cháu C nhưng chị lại trình bày vì công việc của chị rất bận nên chị chỉ có thể đưa cháu C đang tuổi phải đưa đón đi học lớp mẫu giáo vào được buổi sáng, còn buổi chiều sẽ không thể đón cháu về nhà được mà phải nhờ ông bà ngoại đón cháu là không đảm bảo quyền được nuôi dưỡng chăm sóc cho cháu, còn cháu A hiện nay đang học lớp 8, cháu đã lớn tự đi học và tự về nhà được; do vậy cần phải giao cháu A cho chị L chăm sóc và nuôi dưỡng và giao cháu C cho anhH nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục là phù hợp, chị L và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản: Chị L và anhH không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân H.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2010 (hiện nay cháu A đang ở với anhH); giao cho anh Nguyễn Xuân H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2014; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002365 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

Nguyễn Thị Thu Hiền